

Phụ lục I
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN IA H'DRAI
(Kèm theo Tờ trình số/TTr-UBND ngày/ /2024 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025
			Huyện giao
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	6-8
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	2,5
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm tại xã Ia Dom năm 2024	%	1,5
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm tại xã Ia Đal năm 2024	%	2,6
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm tại xã Ia Toi năm 2024	%	2,9
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	33,33
-	Tỷ lệ xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu	%	0

Ghi chú

**Chưa
có số liệu
chính
thức**

Phụ lục II
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN IA H'DRAI
(Kèm theo Tờ trình số/TTr-UBND ngày/ /2024 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Tỉnh giao			Huyện giao			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp	
I	Huyện Ia H'Drai	111.209	68.084	43.125	111.209	68.084	43.125	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	63.310	39.857	23.453	63.310	39.857	23.453	Chưa có số liệu chính thức
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	44.935	27.583	17.352	44.935	27.583	17.352	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	2.964	644	2.320	2.964	644	2.320	

TT	Đơn vị, địa phương	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA												Ghi chú
		Tổng 03 chương trình mục tiêu quốc gia			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới			Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	
I	Huyện Ia H'Drai	111.209	68.084	43.125	2.964	644	2.320	44.935	27.583	17.352	63.310	39.857	23.453	Chưa có số liệu chính thức
a	Cấp huyện	80.738	66.866	13.872	1.950		1.950	37.209	27.583	9.626	41.579	39.283	2.296	
-	Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng huyện	5.161		5.161				5.161		5.161				
-	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	681		681				580		580	101		101	
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện	4.809		4.809	1.700		1.700	2.200		2.200	909		909	
-	Phòng Lao động Thương binh và xã Hội huyện	1.790		1.790				1.081		1.081	709		709	
-	Văn phòng HDND-UBND	986		986				604		604	382		382	
-	Phòng Tư pháp huyện	10		10							10		10	
-	Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện	10		10							10		10	
-	Hội Liên hiệp phụ nữ huyện	175		175							175		175	
-	Phòng Tài nguyên và Môi Trường	250		250	250		250							

TT	Đơn vị, địa phương	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA											Ghi chú									
		Tổng 03 chương trình mục tiêu quốc gia			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới			Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi											
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN								
-	Giữ lại ngân sách huyện	66.866	66.866								27.583	27.583				39.283	39.283				Lý do chi tiết tại phụ lục số VII	
b	Cấp xã	30.471	1.218	29.253	1.014	644	370	7.726		7.726	21.731	574	21.157									
-	Xã Ia Dom	3.696	644	3.052	999	644	355	1.678		1.678	1.019		1.019									
-	Xã Ia Đal	14.669		14.669	10		10	3.879		3.879	10.780		10.780									
-	Xã Ia Tơi	12.106	574	11.532	5		5	2.169		2.169	9.932	574	9.358									

Phụ lục IV
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA
BÀN HUYỆN IA H'DRAI

(Kèm theo Tờ trình số/TTr-UBND ngày/ /2024 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	TỔNG VỐN	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025							Ghi chú
			Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp	Trong đó					
					Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự	Triển khai Chương trình môi trường xã một sản phẩm (OCOP)	Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn	Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	Các hoạt động khác tại các địa phương (*)	
I	Huyện Ia H'Drai	2.964	644	2.320	20	200	250	1.500	350	
a	Cấp huyện	1.950		1.950		200	250	1.500		
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện	1.700		1.700		200		1.500		
-	Phòng Tài nguyên và Môi Trường	250		250			250			
b	Cấp xã	1.014	644	370	20				350	
-	Xã Ia Dom	999	644	355	5				350	
-	Xã Ia Đal	10		10	10					
-	Xã Ia Toi	5		5	5					

Ghi chú:

(*) Các địa phương lựa chọn nội dung, hoạt động thuộc Chương trình (không bao gồm các Chương trình chuyên đề đã được giao chi tiết tại Quyết định này) để phân bổ, giao chi tiết kế hoạch vốn và triển khai thực hiện theo quy định.

Phụ lục V

**DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN IA H'DRAI**

(Kèm theo Tờ trình số/TTr-UBND ngày/ /2024 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chương trình	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025																				Ghi chú	
		Chi tiết dự án thành phần																					
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Dự án 1 (TDA 1)			Dự án 2 (*)	Dự án 3		Dự án 4			Dự án 5	Dự án 6		Dự án 7						
					Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN		Vốn SN	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	Tổng cộng		TDA 1 (Hỗ trợ đào tạo nghề)	TDA 2	TDA 3	Vốn SN	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2		Tổng cộng
Vốn SN	Vốn SN	Vốn SN	Vốn SN	Vốn SN				Vốn SN			Vốn SN	Vốn SN		Vốn SN	Vốn SN								
I	Huyện Ia H'Drai	44.935	27.583	17.352	6.661	27.583	6.661	3.644	2.074	1.470	604	3.281	2.456	497	328	380	715	580	135	597	409	188	
a	Cấp huyện	37.209	27.583	9.626	5.161	27.583	5.161		604		604	2.987	2.456	497	34		614	580	34	260	250	10	
-	Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng huyện	5.161		5.161	5.161																		
-	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	580		580													580	580					
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện	2.200		2.200							2.200	2.200											
-	Phòng Lao động Thương binh và xã Hội huyện	1.081		1.081								787	256	497	34		34		34	260	250	10	
-	Văn phòng HĐND-UBND	604		604					604	604													
-	Giữ tại ngân sách huyện	27.583	27.583			27.583																	Lý do chi tiết tại phụ lục số VII
b	Cấp xã	7.726		7.726	1.500		1.500	3.644	1.470	1.470		294			294	380	101		101	337	159	178	
-	Xã Ia Dom	1.678		1.678	500		500	741	299	299		43			43		22		22	73	34	39	
-	Xã Ia Đal	3.879		3.879	500		500	1.853	747	747		177			177	380	51		51	171	81	90	
-	Xã Ia Tơi	2.169		2.169	500		500	1.050	424	424		74			74		28		28	93	44	49	

Ghi chú: (*): Ưu tiên bố trí kinh phí hỗ trợ mô hình giảm nghèo tại các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao trên địa bàn huyện.

TT	Chương trình	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025																				Ghi chú
		Chi tiết dự án thành phần																				
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Dự án 1 (TDA 1)			Dự án 2 (*)	Dự án 3		Dự án 4			Dự án 5	Dự án 6		Dự án 7					
Tổng cộng	Vốn ĐTPT				Vốn SN	Vốn SN	Tổng cộng		TDA 1	TDA 2	Tổng cộng	TDA 1 (Hỗ trợ đào tạo nghề)	TDA 2		TDA 3	Vốn SN	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2
		Vốn SN	Vốn SN	Vốn SN				Vốn SN	Vốn SN	Vốn SN		Vốn SN	Vốn SN	Vốn SN	Vốn SN			Vốn SN	Vốn SN			

Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

- 1 Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo
 - *Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo*
- 2 Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo
 - *Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn*
 - *Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*
 - *Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*
- 3 Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng
 - *Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*
 - *Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng*
- 4 Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững
 - *Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn*
 - *Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*
 - *Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*
- 5 Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo
- 6 Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin
 - *Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin*
 - *Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều*
- 7 Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình
 - *Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình*
 - *Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá*

		DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024																												
		Chi tiết dự án thành phần																												
TT	Chương trình	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Dự án 1			Dự án 2			Dự án 3		Dự án 4 (TDA 1)		Dự án 5			Dự án 6	Dự án 8	Dự án 9	Dự án 10			Ghi chú						
					Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn SN	TDA 1	TDA 2	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Tổng cộng	Vốn SN	TDA 1	TDA 3	TDA 4	Vốn SN	Vốn SN	Vốn SN		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	TDA 1	TDA 2	TDA 3
												Vốn SN	Vốn SN					Vốn SN	Vốn SN	Vốn SN								Vốn SN		
I	Huyện Ia H'Drai	63.310	39.857	23.453	3.754	2.407	1.347	19.027	18.828	199	19.169	16.852	2.317	18.537	18.537	1.596	1.596	44	1.419	133	57	438	220	512	85	427	371	85	56	
a	Cấp huyện	41.579	39.283	2.296	2.407	2.407		19.027	18.828	199				17.963	17.963	1.596	1.596	44	1.419	133	57	175	99	255	85	170	150	85	20	
-	Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng huyện																													
-	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	101		101												44	44	44				57								
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện	909		909			199			199						710	710		710											
-	Phòng Lao động thương binh và xã hội	709		709												709	709		709											
-	Văn phòng HĐND-UBND	382		382												133	133			133			99	150		150	140		10	
-	Phòng Tư pháp	10		10																			10		10	10				
-	Hội Liên hiệp phụ nữ huyện	175		175																		175								
-	Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện	10		10																			10		10					10
-	Giữ lại ngân sách huyện	39.283	39.283		2.407	2.407		18.828	18.828					17.963	17.963									85	85			85		Lý do chi tiết tại phụ lục số VII
b	Cấp xã	21.731	574	21.157	1.347	1.347					19.169	16.852	2.317	574	574							263	121	257		257	221		36	
-	Xã Ia Dom	1.019		1.019	63	63					765		765									87	41	63		63	51		12	
-	Xã Ia Đal	10.780		10.780	232	232					10.285	9.509	776									88	40	135		135	123		12	
-	Xã Ia Toi	9.932	574	9.358	1.052	1.052					8.119	7.343	776	574	574							88	40	59		59	47		12	

Ghi chú:

Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt
- Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết
- Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị
 - Tiêu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân
 - Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc
 - Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
 - Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTĐTNT, trường PTĐTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBĐTTS
 - Tiêu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
 - Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.
 - Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

Chi tiết dự án thành phần																											
Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Dự án 1			Dự án 2			Dự án 3		Dự án 4 (TDA 1)		Dự án 5			Dự án 6	Dự án 8	Dự án 9	Dự án 10								
			Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn SN	TDA 1	TDA 2	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Tổng cộng	Vốn SN	TDA 1	TDA 3	TDA 4	Vốn SN	Vốn SN	TDA 2	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	TDA 1	TDA 2	TDA 3
										Vốn SN	Vốn SN					Vốn SN	Vốn SN	Vốn SN			Vốn SN				Vốn SN		

- 6 Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch
- 7 Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em
- 8 Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em
- 9 Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn
 - Tiêu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù
 - Tiêu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
- 10 Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình
 - Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động
 - Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
 - Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

Phụ lục VII

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN IA H'DRAI

(Kèm theo Tờ trình số/TTr-UBND ngày/ /2024 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)

Đvt: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn NSTW đã phân bổ đến hết kế hoạch năm 2024	Bố trí kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Trong đó: Vốn NSTW	Trong đó: Vốn NSTW	Trong đó: Vốn NSTW	
TỔNG SỐ (I+II+III)								82.661	68.084	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi							12.193	39.857	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt							1.051	2.407	
1.1	Hỗ trợ nhà ở						1.429	1.051	368	<i>Chưa phân bổ chi tiết (Giữ tại ngân sách huyện, vì chưa đảm bảo thủ tục đầu tư theo quy định)</i>
1.2	Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất						2.039		2.039	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết						50.171	9.031	18.828	
-	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dor, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	Ban quản lý ĐT&XD	Thôn Ia Dor, xã Ia Toi	Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND huyện	60.707	50.171	50.171	31.343	18.828	Chuyển tiếp; Chưa phân bổ, do chưa được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn

3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc							1.666	18.537	
3,1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi							1.666	18.537	
Xã Ia Toi								1.666	574	
2	Đường giao thông thôn đi sản xuất 9 xã Ia Toi (đoạn đầu nối Tl 675A đi sản xuất)	UBND xã Ia Toi	Thôn 9, xã Ia Toi	Quyết định số 162/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Toi	2.576	2.240	2.240	1.666	574	Chuyển tiếp
Giữ tại ngân sách huyện									17.963	Hiện nay các dự án khởi công mới năm 2025 chưa phê duyệt nên chưa đủ điều kiện phân bổ theo quy định Luật Đầu tư công. Khi nào đủ điều kiện UBND huyện sẽ chủ động phân bổ sau
4	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình							445	85	
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			TMDT Dự kiến	1.442	1.311	1.311	445	85	Chưa phân bổ chi tiết (Giữ tại ngân sách huyện, do chưa đảm bảo thủ tục đầu tư theo quy định)
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững							69.491	27.583	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo							69.491	27.583	
1.1	Tiểu dự án 1							69.491	27.583	
Cấp huyện							97.073	69.491	27.583	

1	Nhà văn hóa thể thao và sân vận động trung tâm huyện	Ban quản lý ĐT&XD	Ia Toi	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 06/8/2022 của UBND huyện	33.000	27.073	27.073	21.073	6.000	Chuyển tiếp; Chưa phân bổ, do chưa được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn
2	Cầu suối đá huyện	Ban quản lý ĐT&XD	Ia Toi	Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 06/8/2022 của UBND huyện	77.000	70.000	70.000	48.418	21.583	Chuyển tiếp; Chưa phân bổ, do chưa được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới							977	644	
1	Đường vào khu sản xuất số 3, thôn Ia Muung, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Thôn Ia Muung, xã Ia Dom	Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 của UBND xã Ia Dom	2.325	1.107	1.107	890	217	Chuyển tiếp
2	Đường vào khu sản xuất số 2, thôn Ia Muung, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Thôn Ia Muung, xã Ia Dom	Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Dom	1.523	725	725	87	427	Chuyển tiếp (Bố trí chưa đủ kế hoạch giai đoạn 2021-2025)